

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2020
V/v tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Kim Tuyền.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh V, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.
2. ***Bị đơn:*** Chị L, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.
3. ***Người làm chứng:*** Bà T, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2020, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, anh V, trình bày: Anh và chị L đã ly hôn, thỏa thuận chị L được nuôi dưỡng con chung X. Từ trước khi vợ chồng anh ly hôn thì cháu X sống với anh và gia đình, chị L đi làm Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ly hôn thấy chị L có yêu cầu được nuôi con chung nên anh giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Nhà anh cách nhà chị L chỉ khoảng 01 km. Khi giao

cháu X cho chị L chỉ được 10 ngày thì anh đem cháu về nhà nuôi cho đến nay. Lý do, khi anh đến thăm thấy cháu X bị té gãy tay nhưng gia đình bên ngoại không ai hay biết nên anh đem cháu về điều trị. Sau đó, anh thấy gia đình chị L không chăm sóc con anh tốt, chị L thì đi làm xa lâu lâu mới về nhà nên anh khởi kiện ở Tòa án yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, cho anh được nuôi dưỡng con chung X sinh ngày 25/5/2017, tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Cháu X sống với anh từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay, hàng ngày, việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đều do anh làm, có mẹ ruột anh phụ tiếp. Trong nhà anh hiện chỉ chăm sóc một mình cháu X, chứ không có con cháu nào khác. Hiện tại anh có đủ khả năng kinh tế, điều kiện nuôi con.

Bị đơn chị L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng chị L vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, người làm chứng, bà T, trình bày: Bà là mẹ ruột chị L. Hiện tại chị L đang đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Chị L đi làm 01 năm mới về nhà 01 lần. Lúc trước, đến Tòa án làm thủ tục ly hôn thì chị L, anh V thỏa thuận chị L được nuôi con chung X, 03 tuổi. 10 ngày sau khi làm thủ tục ly hôn xong thì anh V đến hỏi “mượn” cháu X về nhà rồi không trả. Từ khi anh V đem cháu X về nhà thì chị L có hay biết vì khi anh V đem cháu X về nhà nói “mượn” về thăm nên chị L đồng ý. Sau đó, anh V không trả cháu X về nhà ngoại nhưng chị L vẫn làm ở Thành phố Hồ Chí Minh. Vì chỗ làm khó, nếu về sẽ bị đuổi việc. Có khi đám giỗ ông, bà chị L cũng không về. Từ khi anh V nuôi cháu X đến nay thì chị L không có gửi tiền về nuôi con do đi làm chỉ đủ chi tiêu cá nhân chứ không có dư. Chị L có gọi điện về cho một người chị bà con nói là anh V có nuôi con thì cứ nuôi. Sau này cháu X lớn muốn sống với ai thì tùy cháu, nhưng anh V nuôi con thì phải cho gia đình chị L thăm nom con. Không nhớ ngày, vào tháng 4 năm 2020, khi cháu X còn sống bên ngoại thì có bị té gãy tay do đùa giỡn. Gia đình bà có hay biết nhưng nghĩ không sao và cũng có theo dõi tình hình của cháu nhưng qua ngày hôm sau thì anh V đem cháu đi và nói cháu X té gãy tay mà gia đình bà không hay biết. Nhà anh V chỉ cách nhà bà khoảng 300m. Từ khi anh V đem cháu X về nhà thì bà không rõ tình trạng của cháu do đến nhà thăm thì gia đình anh V ngăn cản và gọi Công an xã đến. Bà có ý kiến là anh V yêu cầu nuôi con thì anh V cứ nuôi nhưng gia đình bà phải được thăm nom cháu. Gia đình anh V chỉ có chăm sóc một mình cháu X nên chăm sóc rất chu đáo. Anh V thì đi làm ở Tân Hồng, làm công việc gì thì bà không rõ. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh V khởi kiện chị L yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị L, người làm chứng bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nhưng bà T đã có lời khai với Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 78/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, thì các đương sự đã thỏa thuận, được công nhận có nội dung: Chị L được tiếp tục nuôi dưỡng X, sinh ngày 22/5/2017. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện không yêu cầu. Nay anh V yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con để được nuôi dưỡng con chung X sinh ngày 25/5/2017. Xét yêu cầu của anh V là có căn cứ để chấp nhận. Vì, thực tế cháu X sống ổn định cùng anh V từ khi anh V, chị L ly hôn cho đến nay đã 04 tháng, được anh V và gia đình chăm sóc chu đáo, còn chị L hiện đã đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh 01 năm về nhà 01 lần, có khi đám giỗ ông, bà cũng không về. Như vậy, chị L không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu X, ít nhiều ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt, tinh thần của con chung nên vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét điều kiện kinh tế, anh V hiện đang làm thuê thu nhập mỗi tháng trừ đi tiền sinh hoạt cá nhân còn dư khoảng 5.000.000đ – 6.000.000đ, còn chị L thì làm công nhân nhưng thu nhập không ổn định chỉ đủ chi tiêu cá nhân. Mặt khác, trong thời gian anh V yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị L có hay biết nhưng lại không đến Tòa án giải quyết tranh chấp, không gửi văn bản trình bày ý kiến thể hiện nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà chỉ gọi điện về cho người nhà là đồng ý giao con chung cho anh V nuôi dưỡng với điều kiện là phải được thăm nom con chung là phù hợp với lời khai của người làm chứng bà T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu X, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, giao cháu X cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về quyền thăm nom con: Chị L được quyền thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa, anh V tự nguyện chịu toàn bộ án phí, việc tự nguyện của anh V là không trái quy định của pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên công nhận. Vì vậy, anh V chịu 300.000đ án phí không có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số BH/2018/0001261 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 69, 81, 82, 83, các khoản 1 và 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn, anh V.

1.1. Giao con chung X, sinh ngày 25/5/2017, cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

1.2. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh V tự nguyện không yêu cầu.

1.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, anh V chịu 300.000đ án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số BH/2018/0001261 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Kim Tuyên - Nguyễn Tuấn Lam

Nguyễn Nông Phú